

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH YÊN BÁI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2024/DS-PT

Ngày 12-12-2024.

V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH YÊN BÁI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Dũng

Các Thẩm phán: Ông Phạm Hồng Quân

Bà Đỗ Thu Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Tô Kim Hiền- Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Yên Bái tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Thủy- Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 20/2024/TLPT-DS ngày 08 tháng 10 năm 2024, về việc: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 11/2024/DS-ST ngày 29-8-2024 của Tòa án nhân dân thành phố Y, tỉnh Yên Bái bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 17/2024/QĐ-PT ngày 29-10-2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 21/2024/QĐ-PT ngày 15-11-2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 23/2024/QĐ-PT ngày 27-11-2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Đỗ Ngọc H sinh năm 1972; vắng mặt (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ 8, phường MT, thành phố Y, tỉnh Yên Bái;

2. Bị đơn: Bà Trần Thị L sinh năm 1956 (Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt) và ông Hoàng Công V sinh năm 1957 (Vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Tổ 11, phường YN, thành phố Y, tỉnh Yên Bái.

Đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Chị Hoàng Lan N sinh năm 1982, địa chỉ: Tổ 11, phường YN, thành phố Y, tỉnh Yên Bái; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm và tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tại Đơn khởi kiện đề ngày 21-02-2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Đỗ Ngọc H trình bày:

Do biết ông Hg Công V và bà Trần Thị L có nhu cầu bán nhà, đất tại phường YN với giá 1.200.000.000 đồng, ngày 14-7-2022 ông H đã đặt cọc số tiền 200.000.000 đồng để mua thửa đất số 26, tờ bản đồ số 32-IV-a, diện tích 94,5m², tài sản trên đất là 01 nhà xây 03 tầng, địa chỉ thửa đất tại tổ 11, phường YN, thành phố Y, tỉnh Yên Bái. Đến ngày 21-8-2022, ông tiếp tục đặt cọc thêm cho ông V, bà L số tiền là 200.000.000 đồng. Tổng số tiền ông đã đặt cọc cho ông V, bà L là 400.000.000 đồng. Ông V, bà L cam kết trong thời hạn 120 ngày sẽ làm đầy đủ thủ tục chuyển nhượng nhà đất cho ông H. Trong thời gian chờ làm thủ tục chuyển nhượng, ngày 10-11-2022 ông V, bà L có vay của ông H số tiền là 1.100.000.000 đồng để giải quyết công việc. Ông H đồng ý cho ông V, bà L vay số tiền trên và đã giao đủ tiền mặt cho ông V, bà L. Khi giao nhận tiền, bà L có viết Giấy biên nhận tiền đặt cọc có nội dung: Bà L nhận của ông H tổng số tiền 1.500.000.000 đồng, trong đó có 1.200.000.000 đồng thanh toán tiền nhà và 300.000.000 đồng bà L vay của ông H. Tuy nhiên, ông H xác định đây là khoản tiền ông V, bà L vay của ông, không phải tiền đặt cọc, mua bán nhà đất; trong tổng số tiền 1.500.000.000 đồng ông V, bà L đã nhận của ông tính đến ngày 10-11-2022 có bao gồm cả số tiền ông đã đặt cọc trước đó. Tại thời điểm cho ông V, bà L vay số tiền trên, ông sống độc thân, nguồn gốc số tiền cho vay là của ông không liên quan đến bất kỳ ai khác.

Do ông V, bà L không thực hiện các thủ tục chuyển nhượng nhà đất cho ông như cam kết, ông H đã khởi kiện ra Tòa án yêu cầu ông V, bà L phải trả cho ông số tiền đã đặt cọc là 400.000.000 đồng. Vụ việc này đã được giải quyết tại Bản án số 15/2023/TCDS-ST ngày 27-9-2023 của Tòa án nhân dân thành phố Y. Số tiền còn lại là 1.100.000.000 đồng, ông H đã nhiều lần yêu cầu ông V, bà L trả, nhưng ông V, bà L không trả.

Nay ông H khởi kiện buộc ông Hoàng Công V và bà Trần Thị L phải trả cho ông tổng số tiền còn nợ là 1.100.000.000 đồng. Tại đơn khởi kiện và bản tự khai, ông yêu cầu tính lãi tạm tính từ ngày 15-11-2022 đến ngày 15-02-2024 là: 275.550.000 đồng. Tại bản tự khai bổ sung, ông chỉ yêu cầu ông V, bà L phải trả ông số tiền vay gốc là 1.100.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi đối với khoản tiền trên.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Hoàng Công V và bà Trần Thị L là chị Hoàng Lan N trình bày: Chị N và ông Đỗ Ngọc H có mối quan hệ bạn bè, ông H đã từng giúp chị vay hai khoản, mỗi khoản 200.000.000 đồng. Khi vay, chị có nhờ mẹ chị là bà Trần Thị L đứng ra bảo lãnh. Do chị N chưa thanh toán được

số tiền là 400.000.000 đồng nên ông H đã khởi kiện ra Tòa án và đã có bản án của Tòa án giải quyết nội dung này.

Ngày 04-8-2023, ông H có gọi cho bà Trần Thị L trao đổi về việc công nợ liên quan đến số tiền 400.000.000 đồng. Do lúc đó chị N vẫn đang công tác trong lực lượng Công an, sợ chị bị ảnh hưởng đến công việc nên mẹ chị buộc phải viết giấy nhận nợ gốc lãi của món 400.000.000 đồng, nội dung do ông H đọc cho mẹ chị như thế nào thì mẹ chị đã viết như vậy. Nhưng trong đơn khởi kiện ông H nói ngày 10-11-2022, bố mẹ chị vay ông H số tiền là 1.100.000.000 đồng là sai sự thật. Bố mẹ chị không được cầm số tiền đó và bố chị cũng không hề ra nhà ông H vay mượn gì cả, mà tờ giấy có chữ ký của bố chị là do chị và mẹ chị mang ra từ lần trước khi vay ông H 400.000.000 đồng. Ngày hôm mẹ chị ra nhà ông H có anh tắc xi Mai Linh làm chứng đưa mẹ chị ra và khi từ nhà ông H ra cũng không cầm theo túi tiền, mẹ chị đi người không. Thực chất mẹ chị chỉ đi khát nợ chứ không vay mượn gì của ông H số tiền 1.100.000.000 đồng. Ngày 10-11-2022, mẹ chị đang nằm viện ở Hà Nội.

Ông H khởi kiện yêu cầu bố mẹ chị là ông Hoàng Công V và bà Trần Thị L phải trả số tiền 1.375.550.000 đồng, trong đó tiền nợ gốc là 1.100.000.000 đồng, tiền lãi là: 275.550.000 đồng (lãi suất 20%/năm, tạm tính từ ngày 15/11/2022 đến 15/02/2024) là không đúng, gia đình chị không chấp nhận trả toàn bộ số tiền gốc và lãi như yêu cầu khởi kiện. Tại giấy biên nhận đặt cọc mua bán nhà đất là do ông H đọc nội dung cho mẹ chị viết, thực tế không có việc đặt cọc mua bán nhà đất và việc vay mượn như ông H trình bày và như trong giấy biên nhận.

Tại bản tự khai, đơn đề nghị, bị đơn ông Hoàng Công V trình bày: Ông không quen biết ai tên Đỗ Ngọc H ở phường MT, thành phố Y và cũng không biết nhà ông H ở đâu, chưa bao giờ ông tiếp cận, đặt vấn đề thế chấp, vay mượn, đặt cọc, mua bán nhà đất với ông Đỗ Ngọc H dưới bất kỳ hình thức nào. Ông đề nghị Tòa án yêu cầu ông Đỗ Ngọc H trích xuất dữ liệu hình ảnh qua hệ thống camera an ninh hoặc camera của gia đình ông H để làm rõ, vì thực tế ông không quen biết, không đến nhà riêng của ông H để vay tiền. Khoảng tháng 7 năm 2022, vợ ông là bà Trần Thị L có bảo ông ký một tờ giấy trắng khổ A4 không có dòng kẻ, vợ ông có nói là “vay tiền hộ con N”. Vì vợ ông run tay sợ viết hỏng nên ông đã ký không 02 tờ giấy trắng khổ A4, khi ký xong, vợ ông cầm giấy. Nội dung vay tiền và người cho vay tên gì, ở đâu ông cũng không biết.

Tại bản tự khai bị đơn bà Trần Thị L trình bày: Ngày 04-8-2023, bà chỉ đến khát nợ, không vay tiền và không được cầm tiền của ông H đã tố cáo bà vay của ông H, ông H không giao tiền mặt cũng không chuyển khoản cho bà. Bà đề nghị Tòa án yêu cầu ông H cung cấp bằng chứng ngày 10/11/2022, bà không đến nhà ông H như đơn ông H tố cáo.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 11/2024/DS-ST ngày 29-8-2024 của Tòa án nhân dân thành phố Y, tỉnh Yên Bái đã quyết định:

Căn cứ Điều 144, Điều 147, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ các Điều 117, Điều 119, Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468, khoản 1 Điều 469 của Bộ luật Dân sự;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Ngọc H. Buộc ông Hoàng Công V và bà Trần Thị L phải trả cho ông Đỗ Ngọc H số tiền là: 1.100.000.000 (Một tỷ một trăm triệu) đồng.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về nghĩa vụ thi hành án, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 13-9-2024, bị đơn bà Trần Thị L và ông Hoàng Công V kháng cáo yêu cầu Toà án cấp phúc thẩm giải quyết:

- Tuyên huỷ Bản án dân sự sơ thẩm số 11/2024/DS-ST ngày 29-8-2024 của Tòa án nhân dân thành phố Y, tỉnh Yên Bái.

- Tuyên huỷ Giấy đặt cọc mua bán nhà đất ngày 10-11-2022 giữa vợ chồng ông V, bà L với ông H vì việc đặt cọc mua bán nhà là không có thật.

- Tuyên việc vay số tiền 1.100.000.000 đồng của vợ chồng ông V, bà L với ông H là không có thật.

Trong giai đoạn xét xử phúc thẩm, bị đơn bà Trần Thị L có văn bản đề ngày 30-11-2024, trình bày: Giữa anh Đỗ Ngọc H và chị Hoàng Lan N (Con gái của bà L, ông V) có phát sinh quan hệ vay nợ tiền, nên anh Hoàn đe dọa bà L phải nhận số nợ 1.100.000.000 đồng (Cả gốc lẫn lãi). Do chị N khi đó đang công tác tại Công an tỉnh Yên Bái, bà L lo sợ chị N bị mất việc nên mới viết giấy nhận nợ theo lời đọc của anh Hoàn. Đề nghị Toà án phúc thẩm xem xét giải quyết đúng bản chất vụ việc.

Tại phiên toà phúc thẩm, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Yên Bái phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng, đã thực hiện đúng, đủ các quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự. Thủ tục phiên tòa đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Trần Thị L và ông Hoàng Công V, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 11/2024/DS-ST ngày 29-8-2024 của Tòa án nhân dân thành phố Y, tỉnh Yên Bái. Đề nghị miễn án phí dân sự phúc thẩm cho bị đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ đã được thẩm tra công khai, xem xét tại phiên tòa, cũng như kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bị đơn bà Trần Thị L và ông Hoàng Công V đúng hình thức, trong hạn luật định, đủ điều kiện để giải quyết phúc thẩm.

Người kháng cáo vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả khoản tiền vay theo Giấy biên nhận tiền đặt cọc viết tay ngày 10-11-2022. Do đó, Tòa án nhân dân thành phố Y xác định đây là tranh chấp Hợp đồng vay tài sản, và tiến hành giải quyết sơ thẩm là đúng thẩm quyền.

[3] Về giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Tại Giấy biên nhận tiền đặt cọc bán nhà đất ngày 10-11-2022 thể hiện: “*Tên tôi là Trần Thị L: 68 tuổi CCCD: 036656010690, Chồng: Hoàng Công V CCD: 01505700747 (67 tuổi). TT tại: tổ 11, phường YN, TP Yên Bái. Hôm nay, ngày 10/11/2022, vợ chồng tôi có nhận của anh Đỗ Ngọc H thường trú tổ 8, phường MT – Yên Bái số tiền là 1.100.000.000 đồng (một tỷ một trăm triệu đồng) tôi nhận đủ số tiền trên bằng tiền mặt, mục đích vay để trả nợ ngoài và đảo hạn ngân hàng và lấy tài sản thế chấp ngân hàng là thửa đất số 20 tờ BĐ số 32C-IV-a, DT 94.5m² địa chỉ TĐ: Tổ 11, phường YN –(Yên Bái) (tổ 14 cũ) để ra công chứng chuyển nhượng sang tên cho anh Đỗ Ngọc H theo thỏa thuận đặt cọc mua bán nhà đất đã ký ngày 14/7/2022...*”. Trên Giấy biên nhận tiền đặt cọc bán nhà đất thể hiện ngày viết là 10-11-2022, người viết biên nhận là bà Trần Thị L, có chữ viết, chữ ký của bà Trần Thị L và chữ ký của ông Hoàng Công V.

Hội đồng xét xử thấy, Giấy biên nhận nêu trên có nội dung thể hiện đầy đủ thông tin người vay, số tiền vay; có mục đích và nội dung không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội. Mặc dù bà L trình bày là bị ông H ép buộc nhận nợ thay cho con gái là chị Hoàng Lan N, nhưng bà L không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh. Mặt khác, tại thời điểm viết Giấy biên nhận bà L, ông V đều có đủ năng lực trách nhiệm dân sự, nhận thức đầy đủ được quyền và nghĩa vụ của mình khi viết và ký vào văn bản có nội dung vay, nợ, giao nhận tiền. Bằng việc bà L và ông V ký vào Giấy biên nhận ngày 10-11-2022 là đã xác lập Hợp đồng vay tài sản là tiền theo quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự, đồng thời phát sinh nghĩa vụ trả nợ của bà L, ông V đối với ông H theo quy định tại Điều 466 Bộ luật Dân sự. Do đó, Bản án sơ thẩm xác định ông Hoàng Công V và bà Trần Thị L có vay của ông Đỗ Ngọc H số tiền 1.100.000.000 đồng là đúng. Quyết định của bản án sơ thẩm buộc ông Hoàng Công V và bà Trần Thị L phải trả cho ông Đỗ Ngọc H số tiền 1.100.000.000 đồng là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4] Xét nội dung kháng cáo của bị đơn, Hội đồng xét xử thấy: Ông V, bà L, chị N không thừa nhận việc ông bà vay của ông H, không thừa nhận được nhận số tiền 1.100.000.000 đồng từ ông H. Tuy nhiên, tại giai đoạn sơ thẩm ông V, bà L và chị N đều không đến toà án làm việc theo giấy triệu tập, không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho lời khai của mình và không tham gia phiên toà sơ thẩm. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn cũng không xuất trình được tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh nội dung kháng cáo của mình. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông Hoàng Công V và bà Trần Thị L, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 11/2024/DS-ST ngày 29-8-2024 của Tòa án nhân dân thành phố Y, tỉnh Yên Bái như đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

[5] Về án phí phúc thẩm: Do bị đơn là ông Hoàng Công V, bà Trần Thị L đều là người cao tuổi, có đơn đề nghị miễn án phí nên được miễn án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ khoản 1 Điều 308; Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Trần Thị L và ông Hoàng Công V, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 11/2024/DS-ST ngày 29-8-2024 của Tòa án nhân dân thành phố Y, tỉnh Yên Bái, như sau:

Căn cứ Điều 144, Điều 147, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ Điều 117, Điều 119, Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468, khoản 1 Điều 469 của Bộ luật Dân sự;

Buộc ông Hg Công V và bà Trần Thị L phải trả cho ông Đỗ Ngọc H số tiền là: 1.100.000.000đ (Một tỷ một trăm triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí phúc thẩm: Ông Hoàng Công V, bà Trần Thị L được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự.

Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Yên Bái;
- TAND TP YB;
- Chi cục THADS TP YB;
- Các đương sự;
- Lưu: HCTP; Hsơ vụ án (2);

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Trung Dũng